

Bản án số: **20/2025/HNGĐ - ST**

Ngày: 05-9-2025

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Hữu Luynh**

Ông **Lê Văn Hiến**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Minh Tiến** - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Duy Lợi** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị Tuyết Nh**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp 1, xã D, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh **Vũ Đình T**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: thôn L, xã D, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị Nh có mặt, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trịnh Thị Tuyết Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Đình T đăng ký kết hôn ngày 08/8/2014 tại UBND xã D, tỉnh Lâm Đồng (trước đây là xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng). Việc kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống giữa hai bên gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình nhà chồng ở thôn L, xã D, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến khi sinh con đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T hay nhậu nhọt say sấn về chửi bới vợ con, ham chơi bời và không chịu chăm sóc gia đình, nên vợ chồng hay xảy ra xích mích, cãi vã lẫn nhau, thậm chí nhiều lần anh T có hành vi đánh đập chị, khiến chị tổn thương về mặt tình cảm, khủng hoảng về tinh thần, cuộc sống chung không hạnh phúc. Từ tháng 6/2025, chị đã chuyển về nhà mẹ ruột ở Ấp 1, xã D, tỉnh Đồng Nai sinh sống và vợ chồng ly thân

từ đó, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chỉ yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Đình T.

Về con chung: Chị và anh Tuấn có hai người con chung là cháu Vũ Ngọc Khánh L, sinh ngày 03/9/2015 và cháu Vũ Ngọc Thuỳ D, sinh ngày 06/3/2018. Hiện nay, cháu Khánh L, cháu Thuỳ D đang ở cùng anh T và học tập ổn định tại Trường tiểu học L, xã D. Ly hôn, chị đồng ý giao cháu Khánh L, cháu Thuỳ D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/8/2025, bị đơn anh Vũ Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trịnh Thị Tuyết Nh đăng ký kết hôn tại UBND xã D, tỉnh Lâm Đồng (trước đây là xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) vào ngày 08/8/2014. Quá trình chung sống thì vợ chồng cũng có thời gian hạnh phúc. Đến năm 2024, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hoà hợp, không tìm được tiếng nói chung và thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã, xung đột. Từ tháng 6/2025, chị Nh đã chuyển về nhà mẹ ruột ở Ấp 1, xã D, tỉnh Đồng Nai sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Chị Nh.

Về con chung: Anh và chị Nh có hai người con chung là cháu Vũ Ngọc Khánh L, sinh ngày 03/9/2015 và cháu Vũ Ngọc Thuỳ D, sinh ngày 06/3/2018. Hiện nay cháu Khánh L, cháu Thuỳ D đang ở với anh và do anh nuôi dưỡng, các cháu học tập tại Trường tiểu học L, xã D. Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị Nh không có nợ chung.

Do bị đơn anh T có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên hòa giải. Mặt khác, nguyên đơn chị Nh có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh T, đồng ý giao cháu Khánh L, cháu Thuỳ D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng thì tự thoả thuận. Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh T không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trịnh Thị Tuyết Nh và anh Vũ Đình T được ly hôn. Về con chung: giao cháu Vũ Ngọc Khánh L và cháu Vũ Ngọc Thuỳ D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, các bên tự thỏa thuận nên không xem xét. Về tài sản chung: các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề cập. Về nợ chung: không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nh khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T, anh T có địa chỉ cư trú tại thôn L, xã D, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo thủ tục chung.

2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh và anh T đã được UBND xã D, tỉnh Lâm Đồng (trước đây là xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số 01/2014 ngày 08/8/2014. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Nh, anh T là hợp pháp.

Theo tài liệu có trong hồ sơ, thì cả chị Nh và anh T đều cho rằng đến nay cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, hay xảy ra xung đột, cãi vã nhau, tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Từ tháng 6/2025, chị Nh đã chuyển về nhà mẹ ruột ở Ấp 1, xã D, tỉnh Đồng Nai sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai. Chị Nh yêu cầu ly hôn thì anh T cũng đồng ý.

Tại biên bản xác minh ngày 05/8/2025 (*bút lục 45*), ông Vũ Văn L là bố ruột của anh T cho biết “*Vợ chồng anh T, chị Nh sau khi kết hôn thì chung sống với gia đình ông tại thôn L, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã D, tỉnh Lâm Đồng). Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi vã nhau. Từ tháng 6/2025, chị Nh đã chuyển về nhà mẹ ruột tại ở Ấp 1, xã D, tỉnh Đồng Nai sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm lẫn nhau*”.

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị Nh và anh T là có xảy ra trên thực tế, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, mà người nào chỉ biết bốn phần của người đó, mâu thuẫn xảy ra nhưng các bên không có biện pháp giải quyết, hàn gắn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án, chị Nh vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn, về phía anh T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nh. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị Nh, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị Nh và anh T được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Nh, anh T có hai người con chung cháu Vũ Ngọc Khánh L, sinh ngày 03/9/2015 và cháu Vũ Ngọc Thuỳ D, sinh ngày 06/3/2018. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn quy định *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Xét thấy, đến thời điểm xét xử cháu Khánh L, cháu Thuỳ D đã trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng được ở với anh T, hiện tại các cháu đang ở cùng anh T và học tập ổn định tại Trường tiểu học L, xã D, tỉnh Lâm Đồng. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, về phía chị Nh đồng ý giao hai con cho anh T nuôi dưỡng. Vì vậy, để ổn định cuộc sống, học tập của các cháu, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu Khánh L, cháu Thuỳ D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nguyện vọng của các cháu, phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo cho các cháu có điều kiện phát triển tốt về mọi mặt. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh T, chị Nh tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nh, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị Nh, anh T đều xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Nh phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 220, 227, 228, 262 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Trịnh Thị Tuyết Nh đối với bị đơn anh Vũ Đình T.

Cho chị Trịnh Thị Tuyết Nh và anh Vũ Đình T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Ngọc Khánh L, sinh ngày 03/9/2015 và cháu Vũ Ngọc Thuỳ D, sinh ngày 06/3/2018 cho anh Vũ Đình T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc chị Trịnh Thị Tuyết Nh phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000450 ngày 15/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Lâm Đồng (chị Nh đã nộp đủ). Anh Vũ Đình T không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 2 - Lâm Đồng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Lâm Đồng;
- UBND xã D, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Luyện Thanh Sơn